

Số: 01/BC-TGD/2026

Ea Bung, ngày 25 tháng 08 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính thưa: *Quý vị cổ đông!
 Quý vị đại biểu!*

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Đắk Lắk;
Căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Tổng Giám đốc được HĐQT phân công, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần mía đường Đắk Lắk trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động niên độ 2025-2026 và kế hoạch, nhiệm vụ niên độ 2026-2027 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NIÊN ĐỘ 2025–2026;

1. Công tác sản xuất mía nguyên liệu.

1.1/ Đánh giá tình hình chung về công tác nguyên liệu niên vụ 2025-2026:

a. Thuận lợi:

Trong các năm vừa qua thị trường tiêu thụ đường trong nước có nhiều biến động, giá đường giảm so với niên vụ trước, lượng đường tồn kho lớn, áp lực cạnh tranh từ đường nhập khẩu và đường nhập lậu vẫn diễn biến phức tạp. Giá mía niên vụ 2025-2026 bình quân là 1.000.000 đồng/tấn, giảm 125.000 đồng/ tấn so với niên vụ 2024-2025, tuy nhiên với mức giá trên bà con nông dân vẫn có lãi nên rất phấn khởi, thuận lợi trong công tác đầu tư phát triển diện tích, đầu tư chăm sóc mía cho những năm kế tiếp.

Công tác đầu tư trồng mới thuận lợi do nguồn tài chính của Công ty ổn định, đáp ứng vốn kịp thời cho công tác giải ngân, bên cạnh đó quỹ đất khá nhiều, nông dân có động lực phát triển diện tích vì vậy Công ty có điều kiện thuận lợi chọn các khu vực thích hợp để đầu tư.

Công ty vào vụ sớm so với các nhà máy trong khu vực nên thuận lợi trong việc huy động công đồn chặt, bốc mía vào đầu vụ.

b. Khó khăn:

- Trong thời điểm mía sinh trưởng và phát triển do ảnh hưởng biến đổi khí hậu El Niño thời tiết diễn biến cực đoan, nắng nóng khô hạn kéo dài, nhưng khi thời tiết có mưa thì lượng mưa quá nhiều, gió mạnh, mía bị ngập úng, đổ ngã dẫn đến công tác chăm sóc mía gặp nhiều khó khăn, tuy năng suất cao hơn năm trước nhưng do mía bị đổ ngã, bùn đất bám vào lá, rễ mía mọc dài bám vào đất nên rất khó thu hoạch.

- Vào vụ thu hoạch (từ tháng 11 đến khi kết thúc vụ) thời tiết nắng nóng liên tục dẫn đến mía nhanh khô, tỷ lệ mía cháy nhiều (hơn 61.000 tấn mía cháy) chiếm tỷ lệ 21%/tổng sản lượng mía ép cao hơn so với niên vụ 2024-2025 (7%), chất lượng mía suy giảm nhanh nên hiệu quả thu hồi thấp hơn các vụ trước.

- Thời điểm sau tết Nguyên đán sản lượng mía còn lại không nhiều, đa phần còn lại

những diện tích mía kém năng suất, đổ ngã, rễ mọc nhiều... rất khó chặt đốn, cùng với thời tiết nắng nóng gay gắt, các nhà máy quanh khu vực vào vụ ép, đã thu hút số lượng lớn nhân công, nên nhân công ngoài tỉnh không lên đốn chặt dẫn đến công tác thu hoạch mía gặp nhiều khó khăn, mía đưa về không đủ ép, Công ty phải thu mua sản lượng mía ngoài của Công ty 333 để bù đắp mới đáp ứng được công suất ép cho nhà máy.

- Giá cước vận chuyên bình quân cao hơn kế hoạch 8,9% và cao hơn vụ trước 8,3%, nguyên nhân chủ yếu là do giá nhiên liệu xăng dầu biến động tăng. Cùng với đó là việc kiểm soát nghiêm ngặt của lực lượng chức năng về tải trọng và kích thước thùng xe, buộc công ty phải tăng giá cước.

- Vụ 2025-2026 vùng mía nguyên liệu quanh Công ty tiếp tục xảy ra tranh mua, tranh bán giữa các nhà máy trong khu vực, các nhà máy bên ngoài sử dụng máy gập để bốc xếp mía lên phương tiện vận chuyển cả vào ban đêm, việc này gây khó khăn cho việc kiểm soát mía đầu tư của công ty bán ra bên ngoài, tiềm ẩn rủi ro nợ xấu phát sinh.

1.2/ Công tác tổ chức thu mua nguyên liệu mía niên vụ 2025-2026:

Đầu vụ sản xuất 2025-2026 thời tiết thuận lợi nên công tác thu hoạch mía khá ổn định, đáp ứng đủ cho công suất nhà máy. Công đốn chặt, xe vận chuyển được bố trí phù hợp nên hạn chế được lượng mía tồn trên bãi.

Niên vụ 2025-2026 Công ty tiếp tục thực hiện quy định bốc mía lên phương tiện vận chuyển 100% bằng thủ công nên đã khắc phục được tồn tại trong khâu ép của các vụ trước.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản của công tác nguyên liệu niên vụ 2025-2026 được thể hiện ở bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
1	Diện tích trồng mía	Ha	4.746	5.251	110,64
2	Năng suất	Tấn/ha	64,05	63,62	99,33
3	Tổng sản lượng mía xô	Tấn	304.000	334.082	109,90
-	Sản lượng mía chế biến	Tấn	230.000	291.348	126,67
+	<i>Sản lượng mía đầu tư</i>	<i>Tấn</i>		267.444	
+	<i>Sản lượng mía mua 333</i>	<i>Tấn</i>		23.904	
-	Sản lượng mía giống	Tấn	13.000	17.365	133,58
-	Sản lượng mía bán 333	Tấn	61.000	49.273	80,78
4	Sản lượng mía sạch đưa vào chế biến	Tấn	213.900	269.197	125,8
5	Tỷ lệ thu hồi công nợ	%	100	99,96	99,96

So sánh các chỉ tiêu cơ bản vụ 2024-2025 và vụ 2025-2026:

Vụ Sản xuất	Diện tích (ha)	Sản lượng mía ép (tấn)	Năng suất (tấn /ha)	CCS	Tạp chất (%)	Giá mía bình quân (đ/kg)	Cước VC bình quân (đ/kg)
Vụ 2024-2025	4.951	224.402	58.5	10.4	8.4	1,125	114.4
Vụ 2025-2026	5.251	291.353	63.6	10.5	7.5	1.000	123.9
So sánh (%)	106	130	109	100	0.89	0.89	108,3

1.3/ Công tác đầu tư phát triển diện tích mía nguyên liệu chuẩn bị cho vụ 2026-2027:

- Công tác kiểm kê diện tích mía nguyên liệu:

Trạm NL	Mía gốc (ha)			Mía trồng mới (ha)	Diện tích thu mua vụ 26-27
	Vụ 25-26	Phá gốc	Còn lại		
Trạm 6 (Easup)	2.093	542,8	1.550,2	739,5	2.289,7
Trạm 7 (Easup)	3.158	1.027,7	2.130,3	997,0	3.127,3
Tổng cộng	5.251	1.570,5	3.680,5	1.736,5	5.417,0

- Tình hình sinh trưởng mía nguyên liệu:

+ Mía trồng mới: Thời tiết đầu năm 2026 khá tiêu cực, nắng nóng gay gắt nên nhiều diện tích mía đã bị khô héo. Tuy nhiên, đến giữa tháng 05/2026 lượng mưa đã ổn định, mía sinh trưởng khá, trong những tháng kế tiếp nếu thời tiết vẫn ổn định như thời gian vừa qua thì sản lượng bình quân sẽ đạt khoảng 65 -70 tấn/ha.

+ Mía gốc: Do thời tiết nắng hạn từ tháng 11/2025 kéo dài đến 05/2026, cộng thêm niên vụ 2025-2026 Công ty kết thúc muộn hơn mọi năm (ngừng ép ngày 18/04/2026) nên nhiều diện tích mía gốc tái sinh kém, tỷ lệ chết gốc cao, có nhiều diện tích mía đã mọc đều nhưng sau đó vẫn bị chết phải cày bỏ gốc, bởi vậy mía gốc phát triển kém hơn những năm trước, dự kiến năng suất bình quân chỉ đạt khoảng 45-50 tấn/ha.

1.4/ Công tác thu hồi công nợ đầu tư nguyên liệu:

- Tổng nợ đầu tư vụ 2025-2026: 112.016.071.544 đồng.

Trong đó:

+ Nợ trong hạn: 109.729.648.150 đồng

+ Nợ quá hạn: 1.190.744.944 đồng

- Kế hoạch thu nợ vụ 2025-2026: 89.277.293.094 đồng

- Tổng thu: 103.681.731.391 đồng.

Trong đó:

+ Thu trong hạn: 102.287.148.150 đồng

+ Nợ quá hạn: 298.904.791 đồng

- Thu nợ đã được Đại hội cổ đông cho xóa: 1.095.678.450 đồng

Trong đó:

+ Đã thu được thực tế: 584.015.414 đồng

+ Đã xóa từ khởi kiện và Công ty hỗ trợ: 511.663.036 đồng

- Công nợ còn lại đến ngày 30/06/2026: 8.334.340.153 đồng

Trong đó:

+ Nợ trong hạn còn diện tích mía: 7.442.500.000 đồng.

+ Nợ quá hạn: 891.840.153 đồng.

Chi tiết nợ quá hạn:

◇ Nợ quá hạn vụ 21-22 và 22-23: 802.886.653 đồng

◇ Nợ quá hạn vụ 23-24: 2.500.000 đồng

◇ Nợ quá hạn vụ 24-25: 86.453.500 đồng

- Công tác thu hồi công nợ năm 2025-2026 khá tốt, nợ phải thu theo kế hoạch thu đủ 100%, nhưng nợ quá hạn phát sinh từ các năm trước thì không hoàn thành thu nợ theo kế hoạch giao, vì các hộ này không còn mía, không có nguồn thu khác để trả nợ, Công ty đã

khởi kiện 12 hộ và tiếp tục theo dõi hoàn thiện hồ sơ khởi kiện một số hộ khác thời gian tới.

1.5/ Về công tác bảo đảm tiền ứng trước cho người trồng mía:

- Địa bàn huyện Easup (cũ) đất trồng mía đa số không có sổ đỏ nên các hợp đồng đầu tư thu mua mía giữa Công ty và hộ trồng mía không được chính quyền địa phương xác nhận.

- Người trồng mía trong vùng nguyên liệu của Công ty chủ yếu là người từ địa phương khác đến thuê đất trồng mía; một số hộ là người địa phương nhưng không có tài sản bảo đảm hoặc tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại các địa phương khác (Phú Yên, Tây Ninh trước đây). Do địa bàn vùng nguyên liệu rộng, tài sản bảo đảm ở xa, trong khi nhân sự của Công ty còn hạn chế, việc thành lập Hội đồng định giá, kiểm tra và đăng ký giao dịch bảo đảm chưa thực hiện được; Công ty mới thực hiện thủ tục thế chấp tài sản giữa hai bên. Ban điều hành nhận thức rõ phương thức này còn tiềm ẩn rủi ro trong việc thu hồi vốn ứng trước khi phát sinh vi phạm nghĩa vụ. Tuy nhiên, với đặc thù vùng nguyên liệu, điều kiện địa bàn và nguồn lực hiện nay, Công ty chưa có giải pháp khả thi để khắc phục, xử lý triệt để rủi ro nêu trên. Ban điều hành sẽ tiếp tục theo dõi, tăng cường kiểm soát, lựa chọn các biện pháp phù hợp trong khả năng thực tế nhằm hạn chế thấp nhất nguy cơ phát sinh tổn thất vốn cho Công ty.

2. Công tác sản xuất chế biến đường:

- Đánh giá dây chuyền thiết bị: Niên vụ 2025-2026 máy móc, thiết bị công nghệ vận hành ổn định, tuy lực lượng lao động tay nghề chưa đảm bảo (do lực lượng lao động có tay nghề nghỉ nhiều), nhưng nhà máy vẫn bảo đảm hiệu suất an toàn thiết bị so với kế hoạch;

- Kết quả sản xuất chế biến đường:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH vụ 24-25	KH vụ 25-26	TH vụ 25-26	So sánh TH25-26/KH25-26	So sánh TH 25-26/TH 24-25
1	Sản lượng đường nhập kho	Tấn	21.950,25	23.000,00	28.510,50	5.510,50	6.560,25
2	Tỷ lệ mía sạch/đường	m/đ	9,36	< 9,30	9,44	0,14	0,08
3	Chỉ tiêu về tổn thất						
-	Tổn thất đường qua bã	Tấn	1.368,855	1.393,80	1.873,983	480,18	505,13
		%	5,187	≤ 5,109	5,450	0,340	0,260
-	Tổn thất đường qua bùn	Tấn	156,00	174,80	277,200	102,40	121,20
		%	0,591	≤ 0,641	0,810	0,17	0,22
-	Tổn thất đường qua mật rỉ	Tấn	2.772,00	2.592,10	3.529,800	937,70	757,80
		%	10,504	≤ 9,503	10,267	0,76	-0,24
-	Tổn thất không xác định	Tấn	142,505	113,30	189,088	75,79	46,58
		%	0,540	≤ 0,415	0,550	0,13	0,01
-	Tổng tổn thất	Tấn	4.439,36	4.274,00	5.870,07	1.596,07	1.430,71
		%	16,822	≤ 15,668	17,07	1,41	0,25
4	Hiệu suất sản xuất						
-	An toàn lao động	%	100,00	100,00	100,00	0,00	0,00
-	HS an toàn sản xuất	%	92,79	≥ 92	95,60	3,60	2,81
-	HS an toàn thiết bị	%	97,63	≥ 97	99,76	2,76	2,13
-	HS ép thực tế	%	94,81	≥ 95,038	94,74	-0,29	-0,07
-	HS ép hiệu chỉnh	%	95,87	96,11	95,84	-0,27	-0,02
-	HS làm sạch	%	11,30	≥ 9,5	8,00	-1,50	-3,30
-	HS chế luyện	%	87,73	≥ 88,718	87,53	-1,19	-0,20

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH vụ 24-25	KH vụ 25-26	TH vụ 25-26	So sánh TH25-26/KH25-26	So sánh TH 25-26/TH 24-25
-	HS chế luyện hiệu chỉnh	%	92,26	91,70	91,53	-0,17	-0,73
-	HS tổng thu hồi	%	83,18	≥ 84,317	82,93	-1,39	-0,25
-	HS tổng thu hồi hiệu chỉnh	%	88,45	88,13	87,73	-0,40	-0,72
5	Công suất ép B/q	TMN	2.148,00	≥ 2.250	2.290,00	40,00	142,00
6	Tiêu hao hóa chất chủ yếu						
-	Khối lượng vôi	Kg	330.950,76	402.500,00	428.101,00	25.601,00	97.150,24
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	15,077	17,50	15,02	-2,48	-0,06
-	Khối lượng lưu huỳnh (S)	Kg	125.890,00	161.000,00	126.828,00	-34.172,00	938,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	5,735	7,00	4,45	-2,55	-1,29
-	Khối Lượng Axit Photphoric;	Kg	19.440,00	34.500,00	13.780,00	-20.720,00	-
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,886	1,50	0,48	-1,02	-0,40
-	Khối lượng NaOH	Kg	300,00	345,00	350,00	5,00	50,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,014	0,02	0,01	0,00	0,00
-	Sô đa (Na ₂ CO ₃)	Kg	9.240,00	3.450,00	1,50	-3.448,50	-
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,421	0,15	0,00	-0,15	-0,42
-	A317 XLP (chất trợ lắng chìm)	Kg	800,00	805,00	1.075,00	270,00	275,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,036	0,04	0,04	0,00	0,00
-	Talosep A6XL	Kg	400,00	575,00	650,00	75,00	250,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,018	0,03	0,02	0,00	0,00
-	Talodura	Kg	650,00	598,00	650,00	52,00	0,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,030	0,03	0,02	0,00	-0,01
-	Chất phá bột mật chè	Kg	100,00	184,00	26,00	-158,00	-74,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,005	0,01	0,00	-0,01	0,00
-	Chất tẩy màu mật chè (Talomel)	Kg	600,00	230,00	200,00	-30,00	-400,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,027	0,01	0,01	0,00	-0,02
-	Cồn 96%	lít	848,00	575,00	1.425,00	850,00	577,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	lít/tấn	0,039	0,025	0,05	0,02	0,01
-	Muối hạt (Xử lý hạt nhựa)	Kg	5.200,00	5.060,00	6.000,00	940,00	800,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,237	0,220	0,21	-0,01	-0,03
-	Củ đốt lò hơi	tấn	99,19	46,00	58,17	12,17	-41,02
-	Tỷ lệ so với đường TP	tấn/tấn	0,005	0,002	0,00	0,00	0,00
-	Bao PP, PE	bộ	452.860,0	460.690,00	573.350,00	112.660,00	120.490,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	bộ/tấn	20,631	20,030	20,11	0,08	-0,52
-	Chỉ may bao	Kg	600,00	575,00	638,00	63,00	38,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,027	0,025	0,022	0,00	0,00
-	Kim may bao	cái	10,00	16,10	20,00	3,90	10,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	cái/tấn	0,000	0,0007	0,001	0,00	0,00

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH vụ 24-25	KH vụ 25-26	TH vụ 25-26	So sánh TH25-26/KH25-26	So sánh TH 25-26/TH 24-25
7	Dầu mỡ bôi trơn						
-	Nhớt SP220	Lít	558,00	805,00	120,00	-685,00	-438,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Lít/tấn	0,025	0,035	0,004	-0,03	-0,02
-	Nhớt SP680	Lít	209,00	460,00	30,00	-430,00	-179,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Lít/tấn	0,010	0,020	0,001	-0,02	-0,01
-	Nhớt castrol 20w50	Lít	105,00	184,00	113,00	-71,00	8,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Lít/tấn	0,005	0,008	0,004	0,00	0,00
-	Nhớt RX T40	Lít	52,00	115,00	-	-115,00	-52,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Lít/tấn	0,002	0,005	-	-0,01	0,00
-	Nhớt AW68	Lít	624,00	575,00	357,00	-218,00	-267,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Lít/tấn	0,028	0,025	0,01	-0,01	-0,02
-	Mỡ PLC Grease LE - P2	Kg	-	-	65,00		
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,000	-	0,002		
-	Mỡ total multis	Kg	4.140,00	4.485,00	4.890,00	405,00	750,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,189	0,195	0,172	-0,02	-0,02
-	Mỡ AP3	Kg	18,00	46,00	-	-46,00	-18,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,001	0,002	-	0,00	0,00
-	Mỡ SKF	Kg	5,00	16,10	10,00	-6,10	5,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,000	0,0007	0,0004	0,00	0,00
-	Dầu DO	Lít	14.794,00	18.400,00	19.299,00	899,00	4.505,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Lít/tấn	0,674	0,800	0,677	-0,12	0,00
8	Hóa chất xử lý nước thải						
-	Xút vảy	Kg	300,00	345,00	11.450,00	11.105,00	11.150,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,014	0,015	0,402	0,39	0,39
-	U rê	Kg	100,00	115,00	1.000,00	885,00	900,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,005	0,005	0,035	0,03	0,03
-	DAP	Kg	-	-	800,00		
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	-	-	0,028		
-	PAC	Kg	3.950,00	1.840,00	4.150,00	2.310,00	200,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,180	0,080	0,146	0,07	-0,03
-	Polyme Cation	Kg	150,00	138,00	25,00	-113,00	-125,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,007	0,006	0,0009	-0,01	-0,01
-	Polyme Anion	Kg	50,00	92,00	125,00	33,00	75,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	Kg/tấn	0,002	0,004	0,004	0,00	0,00
-	Clorin	lít	90,00	92,00	225,00	133,00	135,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	lít/tấn	0,004	0,004	0,008	0,00	0,00
-	Ethanol	lít	-	80,00	270,00	190,00	270,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	lít/tấn	-	0,003	0,009	0,01	0,01
-	Mem vi sinh An 5-mic350 Gem P1	kg	25,00	46,00	220,00	174,00	195,00
-	Tỷ lệ so với đường TP	lít/tấn	0,001	0,002	0,0077	0,01	0,01

Qua bảng so sánh một số chỉ tiêu chính trong vụ SX 2025-2026 đạt và vượt so với vụ 2024-2025, và kế hoạch vụ 2025-2026 cụ thể:

- Sản lượng mía ép xô; 291.353,08 tấn (tăng 26.68% so với KH, 29.84 % so với vụ 24-25)

- Sản lượng đường sản xuất vụ; 28.510,5 tấn, (tăng 23.96 % so với KH, 29.89 % so với vụ 24-25)
- Năng suất ép B/q của vụ; 2.290 tấn mía xô/ngày (tăng 1.78% so với KH; 6.61% so với vụ 24-25)
- Tỷ lệ mía sạch/đường; 9,44 m/đ, (tăng 1.53 % so với KH; tăng 0.85% so với vụ 24 -25),
- Pol bã ; 2.01 (tăng 0.5% so KH; tăng 0.5% so với vụ 24-25);
- Áp mật C; 29.887 (giảm 0.376 % so KH; tăng 0.66 % so với vụ 24-25);
- Hiệu suất tổng thu hồi ; 82.93%, (đạt 98.35% so với KH và 99.70% so với vụ 24-25).
- Chất lượng đường thành phẩm độ màu đạt BQ 119 IU (KH 130; vụ 243-25; 112 IU;)
- Hiệu suất ATTB đạt 99.76%, (tăng 2.85% so với KH và tăng 2.18% so với vụ 24-25)
- Hiệu suất ATSX đạt 95.60%, (tăng 3.91% so với KH và 3.03% so với vụ 24-254)
- Tiêu hao vật tư hóa chất hầu hết thấp hơn định mức và so với vụ 24-25. Đặc biệt các chủng loại hóa chất chính như : Vôi (giảm 2.48 kg/tsp SVKH và 0.06kg SV vụ 24-25); lưu huỳnh (giảm 2.25 kg/tsp SVKH và 1.29 kg SV vụ 24-25). Axit H₃PO₄ (giảm 1.02 kg/tsp SVKH và 0.40 kg SV vụ 24-25); các chủng loại hóa chất khác và dầu nhớt tiêu hao bằng định mức và có giảm không nhiều.

- Đánh giá về công tác sản xuất:

+ Công tác thu hoạch không dùng máy gặt mía. Nên dây chuyền thiết bị hoạt động sản xuất được ổn định. Hạn chế được nhiều hư hỏng và sự cố thiết bị.

+ Việc đầu tư; sửa chữa một số thiết bị trong dây chuyền sản xuất đem lại hiệu quả tốt như: Nồi nấu đường A; trợ tinh A; sàng phân loại đường; sửa chữa ống Quá nhiệt lò hơi số 1; sửa chữa tua bin phát điện; sửa chữa vệ sinh hệ thống thu hồi bốc hơi; đã đáp ứng việc tăng năng suất trong giai đoạn đầu vụ sản xuất đến tết nguyên đán (NS ép BQ =2.410 TMN).

+ Thời gian bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời cho sản xuất, Dây chuyền không xảy ra tình trạng sự cố lớn gây ảnh hưởng đến sản lượng; chất lượng mía thu hoạch.

+ Tiêu hao hóa chất giảm; Ngoài việc mía đáp ứng đủ cho nhà máy, Cùng với nhu cầu của khách hàng yêu cầu độ màu của đường thành phẩm không quá thấp; công tác quản lý vận hành của công nhân ngày một tiến bộ. Công tác lựa chọn các đơn vị cung cấp hóa chất, có chất lượng tốt (vôi; lưu huỳnh...). Cũng góp phần vào việc giảm tiêu hao.

+ Công tác quản lý nhà máy ngày một ổn định, cán bộ quản lý bám sát việc vận hành dây chuyền, linh động trong công tác điều chỉnh công nghệ phù hợp với chất lượng mía từng giai đoạn. Toàn bộ công nhân bố trí đi ka 12h. Giảm việc tiếp nhận lao động mới, các cương vị lao động được ổn định hơn, thu nhập của người lao động được tốt hơn. Với sự chỉ đạo của ban Tổng Giám đốc. Công tác quản lý sản xuất ngày một nâng cao nên đã góp phần đạt được kết quả nêu trên.

- Một số hạn chế, tồn tại: Ngoài những kết quả đã đạt được như trên, trong quá trình SX còn một số tồn tại cần phải khắc phục như sau:

+ Sản lượng mía cháy nhiều hơn so với mọi năm (hơn 61.000 tấn), nhất là giai đoạn sau tết nguyên đán sản lượng mía đưa vào chế biến hơn 104.584,32 tấn đã có tới 35.587,120 tấn; chiếm 34.027%, bên cạnh đó thời gian thu hoạch kéo dài do thiếu hụt nhân công; chất lượng mía giảm, keo nhớt khó nấu luyện; Tồn thất qua bã và mật rỉ tăng. Đã dẫn đến các chỉ tiêu công nghệ; thu hồi giảm. Tỷ lệ mía sạch/ đường chưa đạt kế hoạch và so với vụ 2024-2025.

+ Chất lượng sản phẩm độ màu có giảm, tuy nhiên với thị trường tiêu thụ khó khăn; giá

đường liên tục giảm nhu cầu thị trường về chất lượng, cỡ hạt; độ đồng đều; ngày một cao hơn. Tay nghề thợ nấu chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc nâng cao chất lượng và kích cỡ hạt đường theo nhu cầu thị trường còn gặp nhiều khó khăn

+ Trong quá trình chế biến một số nồi đường còn lẫn tạp chất. (vảy vàng do tinh bột trong mía bám vào ống truyền nhiệt bong tróc...). Phải xử lý hồi dung nấu lại. Ảnh hưởng đến dây chuyền công nghệ.

+ An toàn thiết bị có cao hơn kế hoạch và vụ trước nhưng vẫn còn tồn tại một số Sự cố chủ quan và khách quan tập trung ở các khu vực như: Gãy càng lược máy ép 2&3; Cháy cổ góp động cơ máy ép V; Cháy động cơ cầu mía 2; Gãy trục giảm tốc băng tải bã hồi lưu.

3. Công tác Tổ chức lao động tiền lương;

- Về lao động:

+ Đối với khu vực văn phòng: Hiện tại đang ổn định, các cương vị làm việc ngoài chuyên môn phụ trách còn kiêm nhiệm một số công việc khác nhưng vẫn bảo đảm.

+ Đối với khu vực nhà máy: Với tình hình nhân lực lao động hiện tại nhà máy duy trì làm việc 2 ca trong thời gian sản xuất. Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều chính sách hỗ trợ người lao động (*lương chờ việc, các khoản bảo hiểm, thưởng v.v...*); Nên bước đầu đã dần ổn định. Tuy nhiên với điều kiện đặc biệt khó khăn, của vùng sâu, vùng xa; đường sá đi lại khó khăn; thời tiết khí hậu khắc nghiệt, công tác tuyển chọn những lao động có trình độ kỹ thuật; chuyên môn còn gặp khó khăn.

+ Một số lao động cũ đã đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ. Nhằm ổn định nguồn lao động lâu dài, Công ty cần tiếp tục tuyển chọn nhân lực, sắp xếp; hướng dẫn, đào tạo công nhân viên mới trong điều hành quản lý các tổ, vận hành dây chuyền sản xuất và có hướng đào tạo dự phòng cho các cương vị vận hành chính đòi hỏi kỹ thuật cao. Triển khai dần công tác bồi dưỡng cho những cán bộ, công nhân có trình độ chuyên môn, tay nghề có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty, tiếp cận dần công tác quản lý, điều hành... nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng, sẵn sàng thay thế khi cần thiết.

- Về tiền lương và các chế độ đối với người lao động:

- Thu nhập bình quân của người lao động niên độ 2025-2026: Nhờ Công ty hoạt động SXKD có hiệu quả nên mức thu nhập bình quân của người lao động cũng được tăng lên, niên độ 2025-2026 thu nhập bình quân là 12.531.651 đồng/người/tháng, tăng 605.397 đồng/người/tháng so với niên độ 2024-2025.

- Các chế độ hỗ trợ: Công ty luôn chăm lo đến việc làm và thu nhập của người lao động, tiền lương được thanh toán đầy đủ và kịp thời, các chế độ như Bảo hiểm, ốm đau, thai sản, bồi dưỡng độc hại, thời gian chờ việc vẫn có lương, hỗ trợ 50% mức đóng bảo hiểm, trợ cấp thôi việc, nâng lương, nâng bậc ... Công ty đều thực hiện bằng hoặc tốt hơn quy định của nhà nước;

- Công tác môi trường; ATVSLĐ; PCCC:

+ Công tác ATVSLĐ: Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc tập huấn an toàn lao động - an toàn hóa chất cho người lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cũng như kiểm tra sức khỏe cho người lao động trước khi vào vụ sản xuất, trong quá trình sản xuất luôn đảm bảo an toàn lao động.

+ Công tác PCCC: Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc huấn luyện PCCC và CNCH, việc quản lý hồ sơ sổ sách về PCCC bảo đảm yêu cầu.

+ Công tác môi trường: Trong vụ sản xuất vừa qua Công ty đã cố gắng, nỗ lực tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên vẫn còn một số sai sót, dẫn đến việc cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Ninh đã truy tố hai cá nhân về hành vi vi phạm liên quan đến công tác vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục do Công ty Minh Thành Gourp cung cấp lắp đặt thiết bị, đến thời điểm hiện tại cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Ninh cũng chưa có kết luận chính thức. Nhằm chủ động chuẩn bị cho vụ sản xuất 2026-2027 được tốt, đúng quy định của pháp luật, Ban điều hành Công ty đang triển khai một số công việc cần thiết nhằm sớm khắc phục việc đấu nối hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục đến cơ quan quản lý theo quy định, đồng thời tiếp tục kiểm tra lại toàn bộ hệ thống và lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa hệ thống xử lý nước thải; khí thải lò hơi, hoàn thiện việc nghiệm thu lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải.

4. Công tác tiêu thụ sản phẩm

Niên độ 2025-2026, công tác tiêu thụ sản phẩm đường gặp nhiều khó khăn, giá bán giảm, tốc độ bán hàng chậm hơn so với các năm trước đây. Nguyên nhân chủ yếu là do thị trường đường thế giới lao dốc xuống mức thấp nhất trong ba năm qua, cộng với đường nhập lậu, gian lận thương mại chưa được kiểm soát triệt để và với sức ép nặng nề bởi nguồn cung dư thừa trong nước. Tuy nhiên được sự hỗ trợ tích cực từ khách hàng truyền thống nên công tác tiêu thụ khá kịp thời, đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ hoạt động SXKD của Công ty mà không phải vay ngân hàng. Đến thời điểm 15/08/2026 Công ty đã bán hết lượng đường tồn kho.

Công tác tiêu thụ sản phẩm được Hội đồng quản trị quản lý chặt chẽ, Ban điều hành thực hiện đúng chính sách bán hàng được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Tuy nhiên việc tiêu thụ bã mía rất chậm, giá bán giảm, do đầu ra hạn chế, việc cạnh tranh bán bã giữa các nhà máy trong khu vực khá gay gắt nên đến thời điểm 15/08/2026 lượng bã còn tồn kho khá lớn (ước tính khoảng 7.000 tấn).

5. Công tác tài chính

Công tác Tài chính của Công ty được quản lý và giám sát chặt chẽ, tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định.

6. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

Công ty cổ phần mía đường Đắk Lắk đã nỗ lực vượt qua khó khăn, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và Nghị quyết, Quyết định của HĐQT niên độ 2025-2026. Kết quả như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện niên độ 2024-2025	Niên độ 2025-2026		So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH niên độ này/TH niên độ trước	TH niên độ này/ KH niên độ này
1. Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	19.353	25.645	23.389	120,85	91,20
2. Sản lượng mật tiêu thụ	Tấn	9.238	14.496	11.801	127,74	81,41
4. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	Tỷ đ	518,08	489,86	484,68	93,55	98,94

5. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	167,23	76,10	147,57	88,24	193,92
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đ	165,45	74,60	144,78	87,51	194,08

Niên độ 2025-2026 tuy sản lượng mía ép và sản lượng đường sản xuất tăng so với kế hoạch đề ra, nhưng lại gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ, giá bán giảm. Với sự nỗ lực của Ban điều hành trong việc phân đấu hạ thấp giá thành, cùng sự hỗ trợ tích cực của khách hàng truyền thống trong công tác tiêu thụ, từ đó đã mang lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty niên độ 2025-2026 lợi nhuận sau thuế vượt 94,% so với kế hoạch, nộp ngân sách nhà nước đạt 34,46 tỷ đồng. Tuy nhiên như phần trên đã trình bày, do giá đường thị trường thế giới xuống mức thấp nhất trong ba năm qua, cộng với ảnh hưởng của hàng lậu, gian lận thương mại chưa được kiểm soát triệt để, kéo theo giá đường trong nước giảm, dẫn đến lợi nhuận sau thuế niên độ 2025-2026 chỉ đạt 87,51% so với niên độ 2024-2025.

II. KẾ HOẠCH SXKD NIÊN ĐỘ 2026 – 2027

1. Nhận định tình hình chung

Nền kinh tế Việt Nam niên độ 2026–2027 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, với động lực chủ yếu từ đầu tư công, tiêu dùng trong nước, sản xuất công nghiệp và dòng vốn FDI. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều yếu tố bất định từ kinh tế thế giới, xung đột địa chính trị, biến động giá năng lượng, tỷ giá, lãi suất và chính sách thương mại quốc tế.

Lạm phát và chi phí đầu vào có khả năng tiếp tục gây áp lực, trong khi sức mua và thị trường xuất khẩu có thể biến động. Do đó, môi trường kinh doanh được dự báo vừa có cơ hội tăng trưởng, vừa có mức độ cạnh tranh và rủi ro cao.

Theo đánh giá mới nhất của Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), triển vọng niên vụ 2026–2027 hiện không thuận lợi, chủ yếu do thị trường tiêu thụ của đường sản xuất trong nước đang rất yếu. Nguyên nhân chủ yếu không phải do năng lực sản xuất trong nước mà do đường nhập lậu, đường không rõ nguồn gốc và cạnh tranh từ HFCS tiếp tục gia tăng, chiếm một phần thị trường đường công nghiệp.

Ngoài những khó khăn chung của ngành mía đường thì điều kiện đặc thù khí hậu của khu vực huyện Ea Súp (cũ) nắng nóng, khô hạn, mía mất nước nhanh, vì vậy Công ty không nên kéo dài vụ ép mà phải xây dựng thời gian ép tối ưu để mang lại hiệu quả cao nhất.

Từ những ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực kể trên, niên vụ 2026-2027 Công ty cổ phần mía đường Đắk Lắk tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức. Để tạo nền tảng tiếp tục phát triển bền vững trong tình hình mới, chúng ta cần phải chủ động tự đổi mới, có các giải pháp, đối sách phù hợp với thực tế, tập trung nguồn lực đầu tư phát triển cây mía theo chiều sâu, tăng cường áp dụng tổng hợp các biện pháp thâm canh, giống, phương pháp trồng, chăm sóc và ổn định giá cả thu mua mía, tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh để có thể đáp ứng tốt hơn với mọi khó khăn thách thức.

2. Một số chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2026-2027

Để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định với những mục tiêu, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh niên độ 2026-2027, đồng thời dự báo trước những khó khăn do thị trường, giá cả các nguyên vật liệu, nhiên liệu vận chuyển, tác động

của biến đổi khí hậu... Ban điều hành đề ra phương hướng hoạt động SXKD niên độ 2026-2027, với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: 483 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 69,7 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 68,5 tỷ đồng

Kính thưa: **Quý vị cổ đông!**

Quý vị đại biểu!

Niên vụ 2025 – 2026, với sự ủng hộ tích cực, giám sát chặt chẽ của HĐQT, sự gắn bó và phấn đấu nỗ lực của người lao động, Công ty cổ phần Mía đường Đắk Lắk đã từng bước vượt qua những khó khăn, hoàn thành tốt chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Với những thuận lợi, khó khăn đặt ra trước mắt, niên vụ 2026 – 2027 tập thể Ban điều hành sẽ tập trung trí tuệ, tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm và mong muốn tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, tạo điều kiện của HĐQT và Quý Cổ đông để hoàn thành tốt nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty cổ phần mía đường Đắk Lắk báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ TN 2026;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.



Nguyễn Bá Thành